

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2017

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền;
2. Ông Đinh Khắc Quỳnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Thanh T**, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 5/7^C, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Hồng V**, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: Số 5/7^C, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn – anh Bùi Thanh T trình bày:

Anh và chị Phạm Thị Hồng V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do chị V ham mê bài

bạc, phá tán tài sản của gia đình và thường xuyên bỏ nhà đi, anh T khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị V không thay đổi. Ngoài ra, anh T không tin tưởng chị V về tình cảm nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh và chị V không còn sống chung nhà từ tháng 7/2015 cho đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị V.

Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Nhật Q, sinh ngày 03/02/2002, hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại hai vợ chồng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa. Chị V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V là đúng pháp luật.

+ Về nội dung: **Xét thấy mục đích hôn nhân của anh T và chị V không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay nhưng anh chị không hàn gắn tình cảm được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Về con chung, cháu Bùi Nhật Trường, sinh ngày 03/02/2002, hiện đang sống chung với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình ghi nhận ý kiến của anh T. Về tài sản chung và nợ chung, anh T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.**

Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị V theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Thanh T và chị Phạm Thị Hồng V chung sống với nhau từ năm 2001, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh T cho rằng vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do chị V ham mê bài bạc, thường xuyên bỏ nhà đi, anh đã góp ý, khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị V không thay đổi. Ngoài ra, anh không tin tưởng chị V về tình cảm. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện anh T và chị V sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Qua lời trình bày của cháu Q thể hiện chị V vẫn liên lạc với con trai qua điện thoại nhưng chị vẫn không về nhà đoàn tụ với chồng con, không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Điều đó chứng tỏ chị không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh T và chị V không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ theo quy định tại **Điều 56** Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Nhật Q, sinh ngày 03/02/2002, hiện đang sống với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Qua lấy lời khai của cháu Q thể hiện cháu Trường cũng có nguyện vọng được sống với anh T. Do đó, giao cháu Q cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Trong vụ án này, anh T là nguyên đơn, do đó, anh T phải chịu án phí theo quy định là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Bùi Thanh T và chị Phạm Thị Hồng V.

Anh Bùi Thanh T được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng V.

2. Về con chung: Anh Bùi Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Nhật Q, sinh ngày 03/02/2002.

Ghi nhận anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003767 ngày 08 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận anh T đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho anh T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng chị V được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THA DS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Huỳnh Thị Ngọc Hạnh